

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC

C XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ- ST

Ngày 19 tháng 01 năm 2024

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Sinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Sửu và ông Đào Quyết Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khương Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Xuân Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 163/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1988 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn S, xã V, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thiệu V, sinh năm 1983 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 25/7/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết N trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Thiệu V ngày 15/4/2009. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi cưới, chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh V. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng nghi ngờ không tin tưởng nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị về nhà mẹ đẻ ở vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay. Gia đình hai bên không dàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thiệu V.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh T1, sinh

ngày 19/12/2009; Nguyễn Tuấn T2, sinh ngày 19/12/2009 và Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 07/11/2017. Hiện nay cháu T1 và cháu L đang ở cùng chị N, còn cháu T2 đang ở cùng anh V. Ly hôn chị N đề nghị được nuôi cháu T1, L, để anh V được nuôi cháu T2. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thiệu V trình bày: Anh thừa nhận về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và thời điểm sống ly thân như chị N trình bày là đúng. Đến nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị N trình bày là đúng. Ly hôn anh đề nghị được nuôi hai con là cháu T1 và cháu T2, để chị N nuôi cháu L và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai cháu Nguyễn Thị Quỳnh T1 và cháu Nguyễn Tuấn T2, thể hiện mong muốn của các cháu là bố mẹ đoàn tụ. Nếu Tòa án giải quyết cho bố, mẹ ly hôn các cháu đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị N trực tiếp nuôi hai con là cháu T1 và cháu L, giao cho anh V được nuôi cháu T2; về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị N, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Lê Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Nguyễn Thiệu V, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã X, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Ngày 25/7/2023 chị Lê Thị Tuyết N có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Thiệu V. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa chị Lê Thị Tuyết N và anh Nguyễn Thiệu V là tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ.

Về tình cảm: Sau khi kết hôn chị N và anh V có thời gian hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, không tin tưởng nhau, thường xuyên nghi ngờ nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, chị N về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 6/2018 đến nay, hai gia đình không dàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Đến nay chị N và anh V cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn cùng xin được thuận tình ly hôn. Xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm thường hay cãi nhau. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chị N và anh V cùng xin thuận tình ly hôn là có căn cứ, vì vậy cần áp dụng Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Lê Thị Tuyết N được ly hôn anh Nguyễn Thiệu V.

Về con chung: Xét đề nghị của chị N, anh V, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay cháu T1 và cháu L đang ở cùng chị N, cháu T2 đang ở cùng anh V. Cháu T1 có nguyện vọng ở cùng chị N và cháu L còn nhỏ đều là con gái cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nhiều hơn nên chị N đề nghị được tiếp tục nuôi cháu T1 và cháu L để anh V nuôi cháu T2 là phù hợp. Chị N là giáo viên thu nhập ổn định nên việc nuôi cháu T1 và cháu L được đảm bảo. Anh V đề nghị nuôi cháu T1 và cháu T2 để chị N nuôi cháu L nhưng để đảm bảo quyền lợi cho các con sau khi ly hôn cần giao cho chị N nuôi cháu T1 và cháu L, đối với cháu T2 mặc dù cũng có nguyện vọng ở với chị N nhưng xét quyền và nghĩa vụ của cha mẹ là như nhau, anh V có thu nhập đảm bảo việc nuôi con nên giao cho anh V trực tiếp nuôi cháu T2 cũng đảm bảo quyền lợi của cháu. Chị N và anh V đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do vậy nguyện vọng xin được nuôi cháu T1 và cháu T2 của anh V chỉ được chấp nhận một phần.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị N, anh V không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Tuyết N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Tuyết N được ly hôn anh Nguyễn Thiệu V.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Tuyết N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Quỳnh T1, sinh ngày 19/12/2009 và cháu Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 07/11/2017 cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Giao cho anh Nguyễn Thiệu V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tuấn T2, sinh ngày 19/12/2009 cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Chị N, anh V không ai phải cấp dưỡng nuôi con. (Hiện nay cháu T1 và cháu L đang ở cùng chị N, cháu T2 đang ở cùng anh V). Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị N, anh V không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000065 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị N, anh V có mặt có quyền kháng cáo bản án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã X (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sinh